

Bản án số: 716/2020/HS-PT

Ngày 23 tháng 11 năm 2020

“Nguyễn Thị Kim L đb

- Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quang Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 297/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Bị cáo có liên quan đến kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Kim L (Tên gọi khác: V), sinh năm 1991 tại Đắk Lắk; Nơi đăng ký NKTT: Thôn 7, xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở: Không có nơi ở ổn định; Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Nguyễn Vĩnh Khánh và bà Nguyễn Thị Hòa; Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Thị Bích H (Tên gọi khác: L), sinh năm 1984 tại Đắk Nông; Nơi đăng ký NKTT: Tổ 3, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Nơi ở: Tổ 6, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông Võ Ngọc Anh và bà Nguyễn Thị Sương; Chồng Thân Văn Hùng và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa từng bị kết án; Bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại có kháng cáo:

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1974 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 7, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà Nguyễn Thị H¹, sinh năm 1982 – Có mặt;

Địa chỉ: Thôn 17, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Ngọc C – Vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Kim T¹, sinh năm 1988 – Vắng mặt;

Đều trú tại Tổ 6, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

3. Bà Thân Thị D – Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 6, phường Nghĩa Phú, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

4. Bà Nguyễn Thị Lệ H², sinh năm 1984 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn Tân Lợi, xã Đắk Rmuan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2012, Nguyễn Thị Kim L được tuyển dụng làm nhân viên Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Đắk Nông. Năm 2014, L thuê phòng ở tại khách sạn do bà Đỗ Thị T làm chủ, trong thời gian ở đây, L thường đưa người đến vay tiền của bà T để đáo hạn ngân hàng, trong đó có Võ Thị Bích H vay và trả nợ đầy đủ. L và H biết rõ bà T chỉ cho vay đáo hạn ngân hàng (*không cho vay thông thường*) và hồ sơ phải do L đang giải quyết nên L và H nhờ người thân đóng giả khách hàng cần vay tiền đáo hạn ngân hàng để vay của bà T rồi đưa tiền lại cho L và H tiêu xài. Cụ thể:

Khoảng 13 giờ ngày 22/12/2016, H điện thoại nhờ chị họ bên chồng là Thân Thị D đóng giả khách hàng vay tiền của bà T rồi thông báo cho L biết. H hướng dẫn D điện thoại cho bà T nói rằng D là khách hàng của L, đang đến hạn thanh toán nợ ngân hàng 2.700.000.000 đồng, đã chuẩn bị 1.400.000.000 đồng, đang cần vay 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng nhưng khi H điện thoại cho T rồi đưa điện thoại cho D nói chuyện thì D nói là vay 2.000.000.000 đồng, đã chuẩn bị 700.000.000 đồng và cần vay 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Sau khi nghe điện thoại của H, L điện thoại cho bà T nói D là khách hàng của L, đang đến hạn thanh toán nợ ngân hàng 2.700.000.000 đồng, đã chuẩn bị 1.400.000.000 đồng, đang cần vay 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 03 ngày. T đồng ý với điều kiện phải có mặt D thì T mới cho vay. Đến khoảng 14 giờ ngày 23/12/2016, H cùng D đến quán cà phê gần khách sạn của T để chờ L. Tại đây H ghi số tài khoản của anh Phùng Văn H³ (anh rể của H) vào tay D để T có hỏi thì D nói đây là số điện thoại của chồng D. Đến 15 giờ cùng ngày, L và D đến nhà T thì L kêu T cho D vay 1.300.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, đáo hạn xong sẽ trả lại. Do đã nghe L và D gọi điện thoại từ trước nên T kêu D viết giấy vay tiền và cung cấp số tài khoản cho T, L cũng viết cho T một giấy vay tiền với tư cách bảo lãnh cho D. T đưa 1.300.000.000 đồng cho L và yêu cầu L nộp vào tài khoản do D cung cấp. Vì trước đó H có hỏi mượn tài khoản của H³ để bạn của H chuyển tiền vào, nên sau khi nhận được tiền thì anh H³ rút toàn bộ tiền đưa cho H thì H đưa cho L 700.000.000 đồng và giữ lại cho mình 600.000.000 đồng.

Ngày 04/01/2017, L và H nhờ Nguyễn Thị Lệ H² là bạn của H giả làm khách hàng của L để hỏi vay tiền của T. L điện thoại nói với T rằng H² nợ ngân hàng 2.000.000.000 đồng, đã có 600.000.000 đồng, cần vay 1.400.000.000 đồng để đáo hạn xong thì sẽ trả. L và H hướng dẫn H² cách nói chuyện với T và đưa số điện thoại cho H² nói chuyện với T. H và H² viết sẵn giấy vay tiền và số tài khoản đến đưa cho T thì T yêu cầu viết tên chồng vào nên H² viết tên Phan Hồng Q vào giấy vay tiền. T kêu H² về T sẽ chuyển tiền sau. Sau đó, L viết cho T 01 giấy bảo lãnh cho H² vay tiền của T. Khoảng 17 giờ cùng ngày T chuyển 2 lần là 900.000.000 đồng; ngày 05/01/2017 chuyển 300.000.000 đồng và ngày 06/01/2017 chuyển 200.000.000 đồng. Tổng cộng

1.400.000.000 đồng. H² rút toàn bộ tiền ra đưa cho H. H giữ lại 1.100.000.000 đồng và đưa cho L 300.000.000 đồng.

Cũng với thủ đoạn như trên, ngày 08/3/2017, L nhờ chị ruột là Nguyễn Thị Kim T¹ đóng giả khách hàng của L. L điện thoại cho chị Nguyễn Thị H¹ nói có khách hàng cần vay 1.400.000.000 đồng đáo hạn ngân hàng xong trả lại thì H¹ đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 10/3/2017, L và T¹ gặp H¹ ở quán cà phê Lê Đá thì T¹ viết giấy vay tiền, H¹ yêu cầu phải có chồng của T¹ thì T¹ gọi điện thoại cho chồng là Nguyễn Ngọc C nói chuyện với H¹. Do đã nghe T¹ nói trước về việc vay tiền dùm cho L nên sau khi nghe điện thoại xong thì C nhắn tin cho H¹ để xác nhận nội dung vay tiền. Sau đó H¹ chuyển vào tài khoản của C 2 lần bằng 1.400.000.000 đồng. C rút hết tiền giao cho L tiêu xài cá nhân không còn khả năng trả lại.

Tổng số tiền L và H chiếm đoạt của T là 2.700.000.000 đồng; Trong đó L 1.000.000.000 đồng, đã trả 380.000.000 đồng; Hạnh 1.700.000.000 đồng, đã trả 700.000.000 đồng. T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho H.

L chiếm đoạt của H¹ 1.400.000.000 đồng, đã trả 60.000.000 đồng.

Kết luận giám định số 31 ngày 25/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- Chữ viết, chữ ký mang tên Thân Thị D dưới mục người vay trong giấy vay tiền đề ngày 23/12/2016 là của Thân Thị D. Chữ số “63510000” trong giấy vay tiền là của Nguyễn Thị Kim L.

- Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Lệ H² dưới mục người vay trong giấy vay tiền đề ngày 04/01/2017 là của Võ Thị Bích H. Chữ “tên chồng Phan Hồng Q” là của Nguyễn Thị Lệ H².

- Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kim L dưới mục người vay trong các giấy vay tiền đề ngày 23/12/2016 và 04/01/2017 là của Nguyễn Thị Kim L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã áp dụng pháp luật và quyết định: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 13 năm tù, bị cáo Võ Thị Bích H 08 năm tù đều về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải trả cho chị Đỗ Thị T 620.000.000 đồng và phải trả cho chị Nguyễn Thị H¹ 1.340.000.000 đồng; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

Người bị hại Nguyễn Thị T có kháng cáo và Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông có kháng nghị.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 63/2019/HS-PT ngày 25/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng pháp luật và quyết định: Hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông điều tra lại, với lý do Tòa án cấp sơ thẩm có sai lầm về áp dụng pháp luật, cần xác định Thân Thị D, Nguyễn Thị Lệ H², Nguyễn Thị Kim T¹ và Nguyễn Ngọc C cùng chung ý chí với bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Võ Thị Bích H.

Tại Bản cáo trạng số 06/CTr-VKS-P3 ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim L và Võ Thị Bích H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Võ Thị Bích H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 13 (*mười ba*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Thị Bích H 08 (*tám*) năm tù, tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2017.

Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Đỗ Thị T 620.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải trả cho chị Nguyễn Thị H¹ 1.340.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/6/2020, người bị hại Đỗ Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì đã không xử lý hình sự đối với Thân Thị D và Nguyễn Thị Lệ H²; đồng thời bị cáo L chưa trả tiền cho bà, số tiền 380.000.000 đồng L trả là tiền vay riêng, không liên quan trong vụ án này.

Ngày 11/6/2020, người bị hại Nguyễn Thị H¹ có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm vì đã không xử lý hình sự đối với Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thị Kim T¹; đồng thời bị cáo L chưa trả tiền cho bà, số tiền 60.000.000 đồng L trả là tiền vay riêng, không liên quan trong vụ án này.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị hại Đỗ Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét Thân Thị D và Nguyễn Thị Lệ H² đã cấu kết với Nguyễn Thị Kim L để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà. D và H² đã đóng giả là người vay tiền, trực tiếp nhận tiền của bà, cho bà xem nhà nên bà mới cho vay, yêu cầu xét xử D và H² đồng phạm với L. Số tiền 380.000.000 đồng L trả cho khoản vay 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20/01/2017 nên bà không đồng ý khấu trừ số tiền này vào khoản tiền L lừa đảo chiếm đoạt của bà.

Người bị hại Nguyễn Thị H¹ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu xem xét Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thị Kim T¹ là anh rể, chị ruột của bị cáo, đã cấu kết với Nguyễn Thị Kim L để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà, yêu cầu xét xử C và T¹ đồng phạm với L. Số tiền 60.000.000 đồng L trả cho khoản vay 700.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 21/02/2017 nên bà không đồng ý khấu trừ số tiền này vào khoản tiền L lừa đảo chiếm đoạt của bà.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L đề nghị xét xử không cần có luật sư bào chữa. Bị cáo khai nhận bị cáo trả cho bà T 380.000.000 đồng và trả cho bà H¹ 60.000.000 đồng không phải là trả cho khoản nợ riêng theo các giấy vay tiền bà T và bà H¹ xuất trình, mà là trả cho khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bà T, bà H¹.

Bị cáo Võ Thị Bích H đề nghị xét xử không cần có luật sư bào chữa. Do bà T và bà H¹ không có kháng cáo gì với bị cáo nên bị cáo không có ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của những người bị hại đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết phúc thẩm. Bản án sơ thẩm

tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim L và bị cáo Võ Thị Bích H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ; đã xử phạt bị cáo L 13 năm tù, bị cáo H 08 năm tù và buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại là phù hợp. Không có căn cứ để xử lý hình sự đối với Thân Thị D, Nguyễn Thị Lệ H², Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thị Kim T¹ nên đề nghị bác kháng cáo của những người bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người bị hại Đỗ Thị T và Nguyễn Thị H¹ đều đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo vắng mặt không lý do, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự thì việc xét xử vẫn được tiến hành;

[2] Do không có kháng cáo, kháng nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo nên theo quy định tại Điều 345 Bộ luật tố tụng hình sự không có căn cứ để xét xử phúc thẩm về tội danh, hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L và bị cáo Võ Thị Bích H;

[3] Các ông bà Thân Thị D, Nguyễn Thị Lệ H², Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thị Kim T¹ có hành vi gian dối, giúp sức cho Nguyễn Thị Kim L, Võ Thị Bích H vay tiền của bà Đỗ Thị T, Nguyễn Thị H¹ nhưng là giúp trên cơ sở khách hàng của L có nhu cầu vay đáo hạn Ngân hàng. Sự giúp đỡ của D, H², C, T¹ chỉ là giúp trên phương diện tình cảm, họ đều tin tưởng L, H thật sự đáo hạn Ngân hàng và có khả năng trả tiền lại cho bà T, bà H¹. Sự gian dối của D, H², C, T¹ chưa đủ để bà T, bà H¹ tin tưởng cho vay tiền mà phải có L đứng ra bảo lãnh, những người này không biết được mục đích chiếm đoạt của L, H nên không đồng phạm với L, H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị H¹ yêu cầu xác định D, H², C, T¹ đồng phạm với L, H.

[4] Bà Đỗ Thị T xuất trình bản photocopy “Giấy vay tiền” ngày 20/01/2017 để cho rằng bị cáo Nguyễn Thị Kim L trả cho bà 380.000.000 đồng là trả cho khoản nợ 500.000.000 đồng theo biên nhận trên, không phải là trả cho khoản tiền đã lừa đảo; Tương tự, bà Nguyễn Thị H¹ cũng xuất trình bản photocopy “Giấy vay tiền” ngày 21/02/2017 để cho rằng bị cáo Nguyễn Thị Kim L trả cho bà 60.000.000 đồng là trả cho khoản nợ 700.000.000 đồng theo biên nhận trên, không phải là trả cho khoản tiền đã lừa đảo, nhưng bị cáo L không thừa nhận, cả bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị H¹ đều không xuất trình được chứng cứ chứng minh khi nhận số tiền do bị cáo Nguyễn Thị Kim L trả thì các bên có thỏa thuận rõ là trả cho các khoản nợ theo các biên nhận, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T và kháng cáo của bà Nguyễn Thị H¹ về phần này.

[5] Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị H¹; giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp;

[6] Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đỗ Thị T và Nguyễn Thị H¹ không thuộc trường hợp phải chịu án phí phúc thẩm;

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với hai bị cáo; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị H¹. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2020/HS-ST ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Áp dụng Điều 46 và Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Đỗ Thị T 620.000.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi triệu đồng*) và phải trả cho bà Nguyễn Thị H¹ 1.340.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

3. Bà Đỗ Thị T và bà Nguyễn Thị H¹ không phải chịu án phí phúc thẩm;

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L và bị cáo Võ Thị Bích H; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông
(Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông
tổng đạt cho bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

